

Số: 135/KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 05 tháng 7 năm 2018

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án Tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành Thú y tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018

Căn cứ Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án Tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành Thú y tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2018.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành Thú y tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018 như sau:

I. Mục tiêu.

Nâng cao năng lực ngành Thú y về cơ sở vật chất, trang thiết bị; tổ chức và năng lực quản lý nhà nước nhằm đáp ứng công tác phát triển chăn nuôi bền vững, phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản hiệu quả góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng; cung cấp thực phẩm chất lượng, an toàn cho người tiêu dùng; bảo vệ sức khỏe nhân dân và môi trường sinh thái.

II. Nội dung thực hiện.

1. củng cố tổ chức, nâng cao năng lực trình độ của cán bộ trong ngành đáp ứng với nhiệm vụ trong điều kiện hội nhập hiện nay:

a) Đào tạo chuyên sâu về các lĩnh vực: Kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, an toàn vệ sinh thực phẩm, thanh tra pháp chế, chẩn đoán xét nghiệm. Số lượng cán bộ đào tạo là 04 người, thời gian đào tạo từ 07 đến 15 ngày.

- Địa điểm: Gửi các cơ quan chuyên môn của Trung ương để đào tạo.

b) Tập huấn cán bộ thú y huyện áp dụng công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu, lập bản đồ dịch tễ, quản lý số liệu và chia sẻ thông tin. Số lượng cán bộ đào tạo là 27 người, thời gian đào tạo 02 ngày.

- Địa điểm đào tạo: Tại thành phố Huế.

2. Đào tạo và nâng cao năng lực cho lực lượng Thú y cơ sở:

- Tập huấn nâng cao năng lực cho 540 cán bộ thú y cơ sở.

- Rà soát và củng cố Ban chăn nuôi thú y cấp xã; lựa chọn, bổ sung Thú y trưởng, Thú y phó các địa phương.

3. Tăng cường năng lực chẩn đoán xét nghiệm, điều trị bệnh động vật và trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn:

a) Xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, chất thải xét nghiệm, mổ khám bệnh động vật theo quy định về an toàn phòng thí nghiệm tại Trạm

Chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật ở phường Hương Sơ, thành phố Huế.

b) Mua sắm thiết bị máy móc, dụng cụ, môi trường đủ điều kiện xét nghiệm các chỉ tiêu.

4. Trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn: Máy vi tính để bàn, bàn ghế làm việc.

5. Tăng cường quản lý nhà nước về giống vật nuôi và an toàn thực phẩm trong chăn nuôi giết mổ, kinh doanh, vận chuyển thịt gia súc, gia cầm.

III. Kinh phí thực hiện:

- Tổng số: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

IV. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Là cơ quan chủ trì chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung của Đề án đảm bảo tiến độ và kế hoạch đề ra.

- Chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y triển khai thực hiện các nội dung được phê duyệt để tăng cường năng lực của Ngành thú y về nâng cao năng lực trình độ của cán bộ và Thú y cơ sở; nâng cao năng lực chẩn đoán xét nghiệm, điều trị bệnh động vật; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giống vật nuôi và an toàn thực phẩm trong chăn nuôi giết mổ, kinh doanh, vận chuyển thịt gia súc, gia cầm.

- Phê duyệt dự toán chi tiết để thực hiện kế hoạch; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch; kịp thời phản ánh, đề xuất giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Tổ chức họp sơ kết, tổng kết cuối năm để đánh giá, rút kinh nghiệm để có giải pháp thực hiện đạt hiệu quả; báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y triển khai thực hiện Đề án đảm bảo các nội dung đã đề ra.

Yêu cầu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- CT và PCT UBND tỉnh Nguyễn Văn Phương;
- Các sở: NN&PTNT, TC;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- VP: LĐ và các CV: TH, TC;
- Lưu: VT, NN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phương



**ĐIỀU KIỆN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NGÀNH THÚ Y TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NĂM 2018**
(Xem hệ thống kế hoạch số 135 /KH-UBND ngày 05/7/2018 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Củng cố, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ tỉnh, huyện và thú y cơ sở				136.551.330
1	Đào tạo cán bộ chuyên sâu về 5 chuyên đề: Thanh tra pháp chế; Kiểm dịch - Kiểm soát giết mổ - Kiểm tra vệ sinh thú y; Chẩn đoán xét nghiệm; Dịch tễ học; Giống vật nuôi, An toàn vệ sinh thực phẩm (04 người x 12,5 triệu/người)	người	04	12.500.000	50.000.000
2	Tập huấn cán bộ thú y huyện áp dụng công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu, lập bản đồ dịch tễ, quản lý số liệu và chia sẻ thông tin: 03 người/trạm x 09 trạm x 02 ngày. Tổ chức tại thành phố Huế				19.535.530
2.1	Tiền nghỉ học viên: 03 người/huyện của 04 huyện (từ 30km trở lên) A Lưới, Nam Đông, Phong Điền, Phú Lộc theo mức khoán trong tỉnh (03 người/huyện x 04 huyện x 120.000đ/người/đêm x 01 đêm)	người	12	120.000	1.440.000
2.2	Phụ cấp lưu trú 03 người của các huyện A Lưới, Nam Đông, Phong Điền, Phú Lộc (trên 30km) theo mức khoán trong tỉnh (03 người/huyện x 04 huyện x 100.000đ/người/ngày x 02 ngày)	người	24	100.000	2.400.000
2.3	Xăng xe đi lại cho học viên tổng cộng 2.832 km là 81 lít (định mức 35km/lít): - Phong Điền: 300km (03 người x 50km x 02 lượt); - Quảng Điền: 360km (03 người x 30km x 04 lượt); - Hương Trà: 240km (03 người x 20km x 04 lượt); - Phú Vang: 360km (03 người x 30km x 04 lượt); - Hương Thủy: 240km (03 người x 20km x 04 lượt); - Phú Lộc: 360km (03 người x 60km x 02 lượt); - A Lưới: 480km (03 người x 80km x 02 lượt); - Nam Đông: 420km (3 người x 70km x 02 lượt); - Huế: 72km (03 người x 06km x 04 lượt)	lít	81	20.130	1.630.530
2.4	Tiền nước uống (29 người x 02 ngày x 30.000đ/ngày/người)	người	58	30.000	1.740.000
2.5	Tài liệu học tập, giấy bút (27 người x 15.000đ/người)	người	27	15.000	405.000
2.6	Thù lao giảng viên (2 người x 300.000đ/người x 2 ngày)	người	4	300.000	1.200.000
2.7	Thuê máy vi tính và kết nối mạng phục vụ tập huấn (27 bộ x 180.000đ/bộ/ngày)	bộ	54	180.000	9.720.000
2.8	Hội trường phục vụ	ngày	2	500.000	1.000.000
3	Tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng Thú y cơ sở: (09 lớp/09 huyện = 540 người x 01 ngày)				67.015.800
3.1	Tiền ăn (540 người x 01 ngày x 60.000đ/ngày/người)	ngày	540	60.000	32.400.000

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
3.2	Tiền nước uống (540 người x 01 ngày x 30.000đ/ngày/người)	ngày	540	30.000	16.200.000
3.3	Tài liệu học tập, giấy bút (540 người x 15.000đ/người)	người	540	15.000	8.100.000
3.4	Bồi dưỡng giảng viên (01 ngày x 9 lớp x 2 người x 300.000đ/người/ngày)	ngày	18	300.000	5.400.000
3.5	Xăng xe đi lại cho giảng viên tổng cộng 740km là 21 lít (35km/lít) (P.Điện: 100km, Q.Điện: 60km, H.Trà: 40km, P.Vang: 60km, H.Thủy: 40km, P.Lộc: 120km, A Lưới: 180km, N.Đông: 140km)	lít	21	19.800	415.800
3.6	Hội trường phục vụ	lớp	9	500.000	4.500.000
II	Tăng cường năng lực chẩn đoán xét nghiệm và trang thiết bị làm việc				347.820.000
1	Xây dựng mới hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, chất thải xét nghiệm, mô khám bệnh động vật tại Trạm Chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật ở phường Hương Sơ, thành phố Huế	trạm	1	100.000.000	100.000.000
2	Mua sắm trang thiết bị máy móc, dụng cụ, môi trường chẩn đoán xét nghiệm				108.700.000
2.1	Máy đo PH để bàn (Code: HI2211, HANNA-Ý)	cái	1	11.700.000	11.700.000
2.2	Máy siêu âm đen trắng xách tay phủ màu (DP-10 VET - Mindray - Trung Quốc)	cái	1	97.000.000	97.000.000
3	Máy vi tính để bàn	bộ	5	9.950.000	49.750.000
4	Bàn ghế làm việc (Gỗ xoan đào) trang bị cho 9 đơn vị				89.370.000
4.1	Bàn làm việc (1.600mm x 800mm x 760mm); (1 đơn vị x 1 cái x 9 đơn vị)	cái	9	4.050.000	36.450.000
4.2	Ghế làm việc (410mm x 420mm x 1.050mm); (1 đơn vị x 6 cái x 9 đơn vị)	cái	54	980.000	52.920.000
III	An toàn vệ sinh thực phẩm trong chăn nuôi				10.232.350
1	Gửi mẫu phân tích thức ăn chăn nuôi				6.400.000
1.1	Protein thô	mẫu	5	120.000	600.000
1.2	Định tính nhóm chất cảm Beta-Agonist	mẫu	5	500.000	2.500.000
1.3	Aflatoxin (B1, B2, G1, G2)	mẫu	2	650.000	1.300.000
1.4	Kháng sinh	mẫu	2	700.000	1.400.000
1.5	Chi phí gửi mẫu, vật liệu lấy mẫu			600.000	600.000
2	Phụ cấp công tác phí kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi ở các địa phương trên 30km: (04 người/ngày/huyện) - Huyện Quảng Điền: 06 cơ sở ở các xã Quảng Vinh, Quảng Thọ, Quảng Phước, thị trấn Sịa. - Huyện Phong Điền: 04 cơ sở ở các xã Phong An, Phong Hiền, Phong Bình, thị trấn Phong Điền. - Huyện Phú Lộc: 04 cơ sở ở xã Lộc An, Lộc Tiến, Lộc Sơn, thị trấn Phú Lộc. - Huyện Phú Vang: 04 cơ sở ở các xã: Phú Đa, Vinh Thanh, Phú Mậu, Phú Thượng. - Huyện A Lưới: 02 cơ sở tại thị trấn A Lưới, xã	người	24	80.000	1.920.000

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Sơn Thủy. - Huyện Nam Đông: 03 cơ sở tại xã Hương Giang và thị trấn Khe Tre.				
3	Xăng xe ô tô đi kiểm tra đánh giá phân loại các cơ sở 680km = 95 lít (định mức 14 lít/100km) - Quảng Điền: 06 cơ sở (01 ngày): 60km. - Phú Vang: 04 cơ sở (01 ngày): 80 km. - Phú Lộc: 04 cơ sở (01 ngày): 120km; - Phong Điền: 04 cơ sở (01 ngày): 120km. - Nam Đông: 03 cơ sở (01 ngày): 140km. - A Lưới: 02 cơ sở (01 ngày): 160km.	lít	95	20.130	1.912.350
IV	Chi phí khác (thẩm định giá vật tư, máy móc thiết bị; đăng báo đấu thầu; văn phòng phẩm,...)			tạm tính	5.396.320
	Tổng số				500.000.000